

Số: 17/2026/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn I: Từ năm 2025 đến năm 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 162/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035;

Xét Tờ trình số 146/TTr-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn I: Từ năm 2025 đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 161/BC-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu tại Kỳ họp thứ ba (Kỳ họp chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XV; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn I: Từ năm 2025 đến năm 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn I: Từ năm 2025 đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đầu tư trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung vào các nội dung cần ưu tiên thực hiện trước nhằm tạo đột phá trong phát triển văn hóa:

a) Các nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; xây dựng, phát triển con người toàn diện;

b) Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp và một số nhiệm vụ mà nhà nước cần đầu tư để dẫn dắt, định hướng, chi phối, tạo nền tảng để thu hút toàn xã hội tham gia phát triển văn hóa, đặc biệt là các nhiệm vụ phát triển công nghiệp văn hóa;

c) Các nhiệm vụ về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa;

d) Hỗ trợ các địa phương có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội khó khăn.

4. Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ (bao gồm vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp) và nguồn vốn ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ, bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, hoạt động với các chương trình mục tiêu quốc gia khác; bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách.

Điều 3. Nguyên tắc bố trí và tỷ lệ bố trí vốn

Vốn đối ứng của ngân sách địa phương: Hằng năm, ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 30% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

Điều 4. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các địa phương theo đối tượng xã

Các xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 6,0.

Các xã còn lại: Hệ số 4,0.

Các phường: Hệ số 2,0.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các địa phương theo quy mô dân số

Địa phương có dân số dưới 10.000 người: Hệ số 0,2.

Địa phương có dân số từ 10.000 người đến dưới 20.000 người: Hệ số 0,4.

Địa phương có dân số từ 20.000 người đến dưới 30.000 người: Hệ số 0,7.

Địa phương có dân số từ 30.000 người trở lên: Hệ số 1,4.

c) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các địa phương theo quy mô diện tích

Địa phương có diện tích dưới 50 km²: Hệ số 0,17.

Địa phương có diện tích từ 50 km² đến dưới 100 km²: Hệ số 0,35.

Địa phương có diện tích từ 100 km² đến dưới 200 km²: Hệ số 0,65.

Địa phương có diện tích từ 200 km² trở lên: Hệ số 0,99.

d) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các địa phương theo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

Di tích Quốc gia đặc biệt: Hệ số 3,0.

Di tích cấp quốc gia: Hệ số 1,4.

2. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

a) Căn cứ vào các tiêu chí để tính ra số điểm của từng địa phương và tổng số điểm của các địa phương làm căn cứ để phân bổ vốn, theo các công thức sau:

Điểm của tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng xã của địa phương thứ i là A_i .

Điểm của tiêu chí, hệ số phân bổ theo quy mô dân số của địa phương thứ i là B_i .

Điểm của tiêu chí, hệ số phân bổ theo quy mô diện tích của địa phương thứ i là C_i .

Điểm của tiêu chí, hệ số phân bổ theo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của địa phương thứ i là D_i .

Tổng điểm của địa phương thứ i:

Gọi tổng số điểm của địa phương thứ i gọi là X_i :

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i$$

Tổng số điểm của các địa phương:

Gọi tổng số điểm của n địa phương nhận hỗ trợ là Y:

$$Y = \sum_{i=1}^n X_i$$

b) Số vốn định mức cho một điểm phân bổ được tính theo công thức:

Gọi K là tổng số vốn ngân sách trung ương của Chương trình hỗ trợ cho ngân sách địa phương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương.

Gọi Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

c) Tổng số vốn của từng địa phương được tính theo công thức:

Gọi V_i là số vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương của địa phương thứ i:

$$V_i = Z \times X_i$$

Điều 5. Định mức phân bổ vốn

1. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương tại địa phương: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg.

2. Đối với vốn đầu tư

a) Tập trung đầu tư các dự án, công trình văn hóa, thiết chế văn hóa cấp tỉnh quan trọng, có sức lan tỏa, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của tỉnh; ưu tiên tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia trên địa bàn tỉnh.

b) Đầu tư nâng cấp, sửa chữa các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, xóm, tổ dân phố...); điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em; bảo tồn làng, bản gắn với phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số tại cơ sở.

3. Đối với vốn sự nghiệp: Hằng năm, căn cứ vào hướng dẫn thực hiện Chương trình, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ cụ thể cho các cấp (tỉnh, xã), các ngành trình cấp có thẩm quyền quyết định để triển khai hiệu quả nguồn vốn được giao.

4. Tổng số vốn phân bổ cho cấp xã được xác định bằng tổng số vốn còn lại sau khi phân bổ cho cấp tỉnh.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 6 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ ba (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 09 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Lương